TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA KAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2024/DS-ST
Ngày: 31– 01 – 2024.
Về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Võ Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Khắc Dũng và bà Nguyễn Thị Tuyết.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Ea Kar tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 327/2023/TLST- DS, ngày 01 tháng 12 năm 2023, về việc: "Kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 02, LH, phường T, quận B, TP. Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hoàng K. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - chi nhánh E, theo Quyết định số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng N, về việc Ủy quyền thực hiện quyền và nghĩa vụ thi hành án.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Văn D. Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh Ngân hàng N - chi nhánh E.

Địa chỉ: Số 04, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Bị đơn: Bà Đặng Thị H, sinh năm: 1966. Nơi cư trú: Thôn M (nay đổi thành thôn N), xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, ngày 06/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Lê Văn D trình bày:*** Vào ngày 17/12/2019, bà Đặng Thị H ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng) - chi nhánh E. Theo Hợp đồng tín dụng số 5202LAV201905027 thì Ngân hàng cho bà Đặng Thị H vay số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng chẵn) vay gốc, mục đích là vay tiêu dùng. Thời hạn trả tiền vay gốc được phân là 03 kỳ trả nợ, kỳ hạn trả nợ gốc cuối cùng vào ngày 16/12/2022, cụ thể: ngày 16/12/2020 trả 40.000.000đ tiền gốc, ngày 16/12/2021 trả 50.000.000đ vay gốc và ngày 16/12/2022 trả số tiền 60.000.000đ vay gốc. Lãi suất trong hạn là 11.5%/năm và lãi suất quá hạn là 150% của lãi trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng bà Đặng Thị H đã trả cho Ngân hàng tiền vay gốc và lãi suất đến tháng 12/2021. Từ tháng 01/2022 bà H không chịu trả nợ cho Ngân hàng nên toàn bộ số tiền vay còn nợ lại của Đặng Thị H đã chuyển sang nợ quá hạn tính đến ngày xét xử (ngày 31/01/2024), bà Đặng Thị H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền vay gốc và lãi suất là 72.070.016đ.

Vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Đặng Thị H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 72.070.016đ; Trong đó tiền vay nợ

gốc 55.260.000đ; tiền lãi suất trong hạn là 13.232.120đ; tiền lãi suất quá hạn là 3.577.896đ. Yêu cầu bà H tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất phát sinh kể từ ngày 01/02/2024 theo hợp đồng tín dụng số 5202LAV201905027, ngày 17/12/2019 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

**** Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đặng Thị H trình bày:*** Bà H xác nhận theo như lời trình bày của ông Lê Văn D trình bày về ngày xác lập hợp đồng vay, số tiền vay gốc, mức lãi suất cho vay, thời hạn vay và thời hạn trả nợ là hoàn toàn đúng và đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tính đến ngày hòa giải (ngày 10/01/2024) bà H đã trả cho Ngân hàng được 94.740.000đ và 23.3.2.814đ tiền lãi. Bà H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền vay gốc và lãi suất là 71.547.696đ và khoản tiền nợ lãi suất phát sinh kể từ ngày 11/01/2024 theo hợp đồng tín dụng số 5202LAV201905027, ngày 17/12/2019 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Hiện tại do điều kiện của bà H rất khó khăn về kinh tế nên có nguyện vọng đồng ý trả nợ cho Ngân hàng theo thủ tục thi hành án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật; Tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do các bên không thỏa thuận được với nhau về phương thức và thời hạn thực hiện việc trả tiền vay. Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận:

- Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn D vẫn giữ nguyên toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện và không có yêu cầu bổ sung gì thêm.

- Bị đơn bà Đặng Thị H có đơn xét xử vắng mặt.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kiểm sát viên khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng;

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự (BLDS); Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc bà Đặng Thị H trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc và lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/01/2024) là 72.070.016đ và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/02/2024 theo hợp đồng tín dụng số 5202LAV201905027, ngày 17/12/2019 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng N, ghi ngày 06 tháng 11 năm 2023, Toà án nhân dân huyện Ea Kar xác định quan hệ pháp luật: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Xét thấy bị đơn bà Đặng Thị H, đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn M (nay đổi thành thôn N), xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Xét thấy, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tống đạt hợp lệ cho nguyên đơn và bị đơn, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tuy nhiên bị đơn có đơn yêu cầu được giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn bà Đặng Thị H.

[2] Xét về nội dung: Xét số tiền vay của nguyên đơn, đề nghị HĐXX buộc bà Đặng Thị H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền 55.260.000đ vay gốc, HĐXX nhận định: Ngày 17/12/2019, bà Đặng Thị H, ký xác lập hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N - chi nhánh Ea Kar. Theo Hợp đồng tín dụng số 5202LAV201905027 bà Đặng Thị H vay của Ngân hàng 150.000.000đ (một trăm

năm mươi triệu đồng) tiền vay gốc. Việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không trái với quy định của pháp luật. Nội dung hợp đồng tín dụng số 5202LAV201905027, ngày 17/12/2019 các bên đã ký kết thì bà H có trách nhiệm hoàn trả nợ gốc cho Ngân hàng làm 3 kỳ trả nợ; Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 16/12/2020 trả 40.000.000đ tiền vay gốc và kỳ trả nợ gốc cuối cùng vào ngày 16/12/2022 trả 60.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án bà H xác nhận tính đến ngày 10/01/2024 bà H đã trả được cho ngân hàng 94.740.000đ tiền vay gốc và 23.302.814đ tiền lãi suất. Số tiền vay gốc còn lại là 55.260.000đ bà Đặng Thị H không trả cho ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng đã ký kết và theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định: "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác".

Căn cứ điều luật viện dẫn nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, HĐXX căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự, buộc bà Đặng Thị H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N 55.260.000đ (năm mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền vay gốc là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về lãi suất: Theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, lãi suất các bên thỏa thuận 11.5%/ năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tiền lãi suất được tính cụ thể như sau:

- Tiền lãi trong hạn:

+ Từ ngày 17/12/2019 đến ngày 14/01/2020 là 29 ngày x 150.000.000đ x 11.5%/năm/365= 1.370.548đ.

+ Từ ngày 15/01/2020 đến ngày 03/02/2020 là 20 ngày x 145.830.000đ x 11.5%/năm/365= 918.928đ.

+ Từ ngày 04/02/2020 đến ngày 05/3/20220 là 31 ngày x 141.660.000đ x 11.5%/năm/365= 1.383.616đ.

+ Từ ngày 06/03/2020 đến ngày 05/4/2020 là 31 ngày x 137.490.000đ x 11.5%/năm/365= 1.342.882đ.

+ Từ ngày 06/04/2020 đến ngày 05/5/2020 là 30 ngày x 133.320.000đ x 11.5%/năm/365= 1.260.148đ.

+ Từ ngày 06/05/2020 đến ngày 03/6/2020 là 29 ngày x 129.150.000đ x 11.5%/năm/365= 1.180.041đ.

+ Từ ngày 04/06/2020 đến ngày 13/7/2020 là 40 ngày x 124.980.000đ x 11.5%/năm/365= 1.575.090đ.

+ Từ ngày 14/7/2020 đến ngày 04/8/2020 là 22 ngày x 120.810.000đ x 11.5%/năm/365= 837.396đ.

+ Từ ngày 05/08/2020 đến ngày 09/9/2020 là 36 ngày x 116.640.000đ x 11.5%/năm/365= 1.322.985đ.

+ Từ ngày 10/9/2020 đến ngày 05/10/020 là 26 ngày x 112.470.000đ x 11.5%/năm/365= 921.330đ.

+ Từ ngày 06/10/2020 đến ngày 04/11/2020 là 30 ngày x 108.300.000đ x 11.5%/năm/365= 1.023.658đ.

+ Từ ngày 05/11/2020 đến ngày 03/12/2020 là 29 ngày x 104.130.000đ x 11.5%/năm/365= 951.434đ.

+ Từ ngày 04/12/2020 đến ngày 26/01/2021 là 54 ngày x 99.960.000đ x 11.5%/năm/365= 1.703.689đ.

+ Từ ngày 27/01/2021 đến ngày 03/3/2021 là 36 ngày x 91.620.000đ x 11.5%/năm/365= 1.039.197đ.

+ Từ ngày 04/03/2021 đến ngày 08/4/2021 là 36 ngày x 87.450.000đ x 11.5%/năm/365= 991.899đ.

+ Từ ngày 09/4/2021 đến ngày 06/5/2021 là 28 ngày x 83.280.000đ x 11.5%/năm/365= 734.689đ.

+ Từ ngày 07/05/2021 đến ngày 03/6/2021 là 28 ngày x 79.110.000đ x 11.5%/năm/365= 697.602đ.

+ Từ ngày 04/6/2021 đến ngày 07/7/2021 là 34 ngày x 74.490.000đ x 11.5%/năm/365= 802.782đ.

+ Từ ngày 08/07/2021 đến ngày 05/8/2021 là 29 ngày x 70.770.000đ x 11.5%/năm/365= 646.625đ.

+ Từ ngày 06/8/2021 đến ngày 31/8/2021 là 26 ngày x 66.600.000đ x 11.5%/năm/365= 545.573đ.

+ Từ ngày 01/09/2021 đến ngày 9/9/2021 là 09 ngày x 66.600.000đ x 10.35%/năm/365= 169.967đ.

+ Từ ngày 10/09/2021 đến ngày 30/9/2021 là 21 ngày x 62.430.000đ x 10.35%/năm/365= 371.758đ.

+ Từ ngày 01/10/2021 đến ngày 07/10/2021 là 7 ngày x 62.340.000đ x 10.35%/năm/365= 123.919đ.

+ Từ ngày 8/10/2021 đến ngày 14/12/2021 là 68 ngày x 58.260.000đ x 10.35%/năm/365= 1.123.380đ.

+ Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 31/12/2021 là 17 ngày x 55.260.000đ x 10.35%/năm/365= 266.383đ.

+ Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/01/2024 là 760 ngày x 55.260.000đ x 11. 5%/năm/365= 13.232.121đ.

- Tiền lãi suất quá hạn:

+ từ ngày 17/12/2022 đến ngày 31/01/2024 là 411 ngày x 55.260.000đ x 5.75/năm/365= 3.577.896đ.

Tổng số tiền lãi suất trong hạn và quá hạn là: 40.112.830đ, khấu trừ đi số tiền lãi suất đã trả là 23.302.814đ, số tiền lãi suất còn nợ lại là 16.810.016đ.

Như vậy, tổng cộng số tiền vay gốc và lãi suất, HĐXX buộc bà Đặng Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N là 72.070.016đ. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 31/01/2024) bà Đặng Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh

của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5202LAV201905027, ngày 17/12/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án. Buộc bà Đặng Thị H phải chịu 3.603.500đ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, theo mức: (72.070.016đ x 5%).

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 1.745.600đ (một triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2023/0000170, ngày 27/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

[5] Xét ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 203, Điều 220, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

1. Buộc bà Đặng Thị H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền là 72.070.016đ (Bảy mươi hai triệu, không trăm bảy mươi nghìn, không trăm mười sáu đồng; Trong đó tiền vay nợ gốc 55.260.000đ; tiền lãi suất trong hạn là 13.232.120đ; tiền lãi suất quá hạn là 3.577.896đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 31/01/2024 bà Đặng Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5202LAV201905027, ngày 17/12/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí và tiền tạm ứng án phí sơ thẩm:

- Buộc bà Đặng Thị H phải chịu 3.603.500đ (ba triệu sáu trăm lẻ ba nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 1.745.600đ (một triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2023/0000170, ngày 27/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng N được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn bà Đặng Thị H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện E;
- Chi cục Thi hành án huyện E;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Võ Thị Mai